

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phó Quang, phường 9, Phú Nhuận.
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90
Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 04
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017	11 - 35



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 đã được soát xét của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1852/QĐ-UB ngày 24/05/2004 của UBND tỉnh Bến Tre, đăng ký hoạt động kinh doanh theo giấy phép số 5503000020 ngày 01/09/2004, thay đổi lần 12 ngày 17/01/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp.

Công ty đang niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 22/6/2010.

Mã cổ phiếu : VXB.

Vốn điều lệ : 40.490.060.000 đồng.

2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ trụ sở chính : 12 đường Số 1, ấp An Thuận A, xã Mỹ Thạnh An, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Điện thoại : +84 (75) 3829 857 – 3822 319

Fax : +84 (75) 3822 319

Mã số thuế : 1300108704

3. Ngành nghề kinh doanh

Kinh doanh vật liệu xây dựng, khai thác cát, san lấp mặt bằng, vận tải hàng hóa, xây dựng cơ sở hạ tầng.

4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

4.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phan Quốc Thông	Chủ tịch	17/05/2013	
Ông Nguyễn Thanh Huy	Thành viên	21/08/2013	
Ông Lê Đình Nhiên	Thành viên	26/04/2008	
Ông Phan Trọng Tài	Thành viên	29/05/2010	
Bà Mai Thị Thanh Thủy	Thành viên	13/04/2013	

4.2 Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Võ Bá Trắc	Trưởng ban	15/03/2015	
Ông Lê Xuân Lâm	Thành viên	29/04/2008	
Ông Huỳnh Hữu Phúc	Thành viên	29/04/2008	

175-C
TY
HỮU
H
À TỰ
I VIỆ
HỒ CH

4.3 Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>ngày bổ nhiệm</i>	<i>ngày miễn nhiệm</i>
Ông Phan Quốc Thông	Giám đốc	17/05/2013	
Ông Nguyễn Thanh Huy	Phó Giám đốc	01/06/2013	
Ông Nguyễn Hoài Yên	Phó Giám đốc	01/06/2013	
Ông Lê Quốc Cường	Phó Giám đốc	01/06/2013	
Ông Phan Tấn Mỹ	Kế toán trưởng	01/05/2015	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Quốc Thông- Giám đốc Công ty (ngày bổ nhiệm 17 tháng 05 năm 2013).

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 35.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Bến Tre, ngày 10 tháng 08 năm 2017.

TM. Hội đồng Quản trị



PHAN QUỐC THÔNG
Chủ tịch kiêm Giám đốc

Số: 2315/17/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2017 từ trang 07 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết, để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thanh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		136.639.894.564	143.798.593.360
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	941.673.432	8.661.217.172
111	1. Tiền		941.673.432	8.661.217.172
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		104.488.643.098	118.536.655.131
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	73.898.904.038	107.275.451.368
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	3.973.110.765	1.196.338.942
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4a	27.121.648.855	10.569.885.381
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.5	(505.020.560)	(505.020.560)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	31.209.578.034	16.600.721.057
141	1. Hàng tồn kho		31.209.578.034	16.600.721.057
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		52.043.698.750	50.036.575.862
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.706.583.432	1.602.886.308
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.4b	2.706.583.432	1.602.886.308
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	II. Tài sản cố định		17.031.367.757	15.961.477.367
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	16.195.573.154	15.125.682.764
222	- Nguyên giá		30.353.713.939	29.396.962.456
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.158.140.785)	(14.271.279.692)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	835.794.603	835.794.603
228	- Nguyên giá		835.794.603	835.794.603
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư	V.10	13.848.002.964	13.848.002.964
231	- Nguyên giá		13.848.002.964	13.848.002.964
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		13.734.134.436	12.705.301.333
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	V.11	11.955.720.379	12.023.671.015
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	1.778.414.057	681.630.318
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.723.610.161	5.918.907.890
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7	4.723.610.161	5.918.907.890
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		188.683.593.314	193.835.169.222

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
 Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		129.239.852.346	128.944.373.978
310	I. Nợ ngắn hạn		125.342.052.346	126.750.573.978
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	15.219.846.448	18.264.210.534
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	24.463.788.613	16.948.752.454
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	1.111.858.198	3.077.478.234
314	4. Phải trả người lao động	V.16	424.718.812	1.340.310.182
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	4.537.263.950	4.537.263.950
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	1.027.146.119	8.190.981.945
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19a	78.556.716.944	74.332.058.599
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	713.262	59.518.080
330	II. Nợ dài hạn		3.897.800.000	2.193.800.000
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.19b	3.897.800.000	2.193.800.000
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		59.443.740.968	64.890.795.244
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.21	59.443.740.968	64.890.795.244
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		40.490.060.000	40.490.060.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		40.490.060.000	40.490.060.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.067.762.000	4.067.762.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		14.152.369.189	14.152.369.189
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		733.549.779	6.180.604.055
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		19.346.555	99.442.786
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		714.203.224	6.081.161.269
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		188.683.593.314	193.835.169.222

Bến Tre, ngày 10 tháng 8 năm 2017.

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ KIM THI

Kế toán trưởng



PHAN TÂN MỸ



PHAN QUỐC THÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	86.029.999.593	83.615.279.676
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		86.029.999.593	83.615.279.676
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	77.202.348.328	75.316.601.387
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.827.651.265	8.298.678.289
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		5.664.373	35.743.787
22	7. Chi phí tài chính		3.309.745.091	2.943.146.046
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		3.309.745.091	2.943.146.046
25	8. Chi phí bán hàng	VI.3	1.956.080.362	1.474.083.050
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	3.845.890.417	3.315.828.317
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(278.400.232)	601.364.663
31	11. Thu nhập khác	VI.5	1.189.794.797	1.262.663.863
32	12. Chi phí khác		17.315.290	15.923.169
40	13. Lợi nhuận khác		1.172.479.507	1.246.740.694
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		894.079.275	1.848.105.357
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.6	179.876.051	372.805.705
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		714.203.224	1.475.299.652
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8a	141	291
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8b	141	291

Bến Tre, ngày 10 tháng 8 năm 2017.

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ KIM THI

Kế toán trưởng

PHAN TÂN MỸ



PHAN QUỐC THÔNG

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

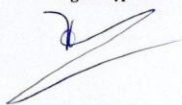
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

ĐVT: VND


Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		133.898.682.707	113.936.470.115
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(87.500.610.984)	(74.996.307.811)
03	3. Tiền trả cho người lao động		(4.313.890.938)	(3.758.095.283)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(3.309.745.091)	(2.943.146.046)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(497.700.791)	(1.002.768.076)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		293.530.000	1.992.879
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(46.638.317.228)	(32.149.622.331)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(8.068.052.325)	(911.476.553)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.824.243.809)	(1.177.128.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.300.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.351.549	11.256.795
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		(518.892.260)	(1.165.871.205)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		68.109.180.182	58.449.396.315
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(62.180.521.837)	(55.910.752.686)
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.061.257.500)	(4.858.807.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		867.400.845	(2.320.163.571)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		(7.719.543.740)	(4.397.511.329)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		8.661.217.172	7.465.837.880
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	941.673.432	3.068.326.551

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ KIM THI

Kế toán trưởng



PHAN TẤN MỸ

Bến Tre, ngày 08 tháng 8 năm 2017.



PHAN QUỐC THÔNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

- 1. Hình thức sở hữu vốn**
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre được (sau đây gọi tắt là "Công ty") Là công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh**
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất – Thương mại – Xây dựng – Kinh doanh bất động sản.
- 3. Ngành nghề kinh doanh**
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Kinh doanh vật liệu xây dựng, khai thác cát, san lấp mặt bằng, vận tải hàng hóa, xây dựng cơ sở hạ tầng và kinh doanh bất động sản.
- 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.
- 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.
- 6. Nhân viên**
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 126 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 128 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Báo cáo này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
 - Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.
- Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý Công ty.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng. Chi phí cấp quyền khai thác cát phân bổ theo thời khai thác được cấp phép.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 20 năm
Máy móc và thiết bị	04 – 08 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 04 năm
Tài sản cố định khác	06 năm

8. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu

kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập Công ty được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm chủ yếu là bán xi măng, đá, sỏi

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu Bất động sản

Đối với bất động sản phân lô bán nền, nếu đã chuyển giao nền đất cho khách hàng (không phụ thuộc đã làm xong thủ tục pháp lý về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa) và hợp đồng không hủy ngang, chủ đầu tư được ghi nhận doanh thu đối với nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	799.673.088	1.266.965.460
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	142.000.344	7.394.251.712
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>941.673.432</u>	<u>8.661.217.172</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	73.898.904.038	107.275.451.368
Công An tỉnh Bến Tre- Phòng Hậu Cần	19.638.120.864	21.049.261.349
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng khu vực Thành phố Bến Tre	7.849.296.289	25.451.044.599
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp	2.136.564.000	4.408.818.928
Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng khu vực Thạnh Phú	1.880.033.159	6.866.447.056
Các khách hàng khác	42.394.889.726	49.499.879.436
Cộng	<u>73.898.904.038</u>	<u>107.275.451.368</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước tổ chức nhà cung cấp khác</i>	3.973.110.765	1.196.338.942
Công ty TNHH MTV Tấn Thiện	1.467.000.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	1.654.302.200	4.696.500
Công ty TNHH Kiến trúc Alpha	260.950.000	160.950.000
Các nhà cung cấp khác	590.858.565	1.030.692.442
Cộng	3.973.110.765	1.196.338.942

4. Phải thu khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	27.121.648.855	-	10.569.885.381	-
Lê Hoàng Trung – Đội xây dựng số 6	6.303.680.610	-	-	-
Lê Hoàng Thanh- Đội xây dựng số 1	4.812.628.855	-	3.226.257.913	-
Lê Hoàng Dũng- Đội xây dựng 4	4.757.979.043	-	1.139.041.352	-
Trần Trung Trực- Đội xây dựng số 5	3.001.443.039	-	1.020.315.831	-
Nguyễn Tiến Tài – Đội xây dựng số 3	2.792.645.793	-	1.728.012.461	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên	1.166.225.635	-	1.166.225.635	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.287.045.880	-	1.919.838.789	-
Cộng	27.121.648.855	-	10.569.885.381	-

4b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường cát.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

5. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Quá hạn từ 06 tháng – 01 năm	-	-	-	-
Quá hạn từ 01 năm – 02 năm	-	-	-	-
Quá hạn từ 02 năm – 03 năm	-	-	-	-
Quá hạn trên 03 năm	505.020.560	-	505.020.560	-
Công ty TNHH XD Đại Gia Phú	183.835.590	-	183.835.590	-
Nguyễn Văn Phong	145.071.100	-	145.071.100	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	69.854.670	-	69.854.670	-
Nguyễn Thị Thủy	65.894.380	-	65.894.380	-
DNTN Xây dựng Chí Trung	25.843.820	-	25.843.820	-
Công ty PT và Xây dựng Nhà Cửu Long	14.521.000	-	14.521.000	-
Cộng	505.020.560	-	505.020.560	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(505.020.560)	-	(505.020.560)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-
Số cuối năm	(505.020.560)	-	(505.020.560)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.002.602.954	-	1.312.389.726	-
Công cụ, dụng cụ	14.623.772	-	10.912.669	-
Chi phí SXKD dở dang	23.465.774.851	-	10.216.921.361	-
Thành phẩm	559.031.579	-	550.502.597	-
Hàng hóa	6.167.544.878	-	4.509.994.704	-
Cộng	31.209.578.034	-	16.600.721.056	-

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chủ yếu là chi phí xây dựng các công trình và khu tái định cư.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Chi tiết:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khu tái định cư Mỹ Thạnh An	5.841.171.273	6.566.928.434
Trường THPT Huỳnh Tấn Phát	2.494.741.250	451.613.624
Đường ĐX 05 xã Mỹ Nhơn- Ba Tri	1.834.523.102	-
Trường Thạnh Phú Đông	1.819.740.891	-
Trường THPT Phan Liêm	1.461.006.635	405.756.354
Các công trình khác	10.014.591.700	2.792.622.949
Cộng	23.465.774.851	10.216.921.361

Hàng tồn kho của Công ty đã được thế chấp làm tài sản đảm bảo vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam –CN Bến Tre (xem Thuyết minh V.19)

7. Chi phí trả trước dài hạn

Chủ yếu là chi phí công thăm dò khai thác cát và chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ vào chi phí không quá 36 tháng

Chi tiết:	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Số đầu năm	5.918.907.890	1.247.768.034
Tăng trong kỳ	1.289.182.516	3.970.484.468
Phân bổ trong kỳ	(2.484.480.245)	(251.902.071)
Số cuối kỳ	4.723.610.161	4.966.350.431

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	7.662.022.661	4.293.529.934	16.934.643.979	191.702.728	315.063.154	29.396.962.456
Mua trong kỳ	-	-	3.424.186.432	30.000.000	-	3.454.186.432
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.497.434.949)	-	-	(2.497.434.949)
Số cuối kỳ	7.662.022.661	4.293.529.934	17.861.395.462	221.702.728	315.063.154	30.353.713.939
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	3.197.012.057	3.729.707.119	6.929.978.143	99.519.219	315.063.154	14.271.279.692
Khấu hao trong kỳ	204.670.000	127.523.846	939.652.496	12.185.950	-	1.284.032.292
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.397.171.199)	-	-	(1.397.171.199)
Số cuối kỳ	3.401.682.057	3.857.230.965	6.472.459.440	111.705.169	315.063.154	14.158.140.785
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	4.465.010.604	563.822.815	10.004.665.836	92.183.509	-	15.125.682.764
Số cuối kỳ	4.260.340.604	436.298.969	11.388.936.022	109.997.559	-	16.195.573.154

Trong đó: - Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.238.992.481 đồng

- Giá trị còn lại tài sản cố định được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số tiền: 10.514.843.251 đồng (xem tại thuyết minh mục V.19)

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	835.794.603	835.794.603
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	835.794.603	835.794.603
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	-	-
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	835.794.603	835.794.603
Số cuối kỳ	835.794.603	835.794.603

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

(*) Là Quyền sử dụng đất sử dụng lâu dài theo GCN quyền sử dụng đất số: CT 02715 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 26 tháng 06 năm 2012 tại số 12 đường Số 1, ấp An Thuận A, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (đất này đang được sử dụng làm trụ sở hoạt động của Công ty). Quyền sử dụng đất này đã đư được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - CN Bến Tre (xem tại thuyết minh mục V.19)

10. Bất động sản đầu tư**10a. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

	Quyền sử dụng đất tại xã Mỹ Thạnh An	Quyền sử dụng đất tại xã Phú Nhuận	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	8.899.887.402	4.948.115.562	13.848.002.964
Mua mới	-	-	-
Số cuối kỳ	8.899.887.402	4.948.115.562	13.848.002.964
Tồn thất do suy giảm giá trị			
Số đầu năm	-	-	-
Tồn thất do giảm giá trị trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Chuyển sang hàng tồn kho	-	-	-
Số cuối kỳ	-	-	-
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	8.899.887.402	4.948.115.562	13.848.002.964
Số cuối kỳ	8.899.887.402	4.948.115.562	13.848.002.964

- Giá trị còn lại Bất động sản đầu tư được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Bến Tre với số tiền: 4.948.115.562 đồng (xem tại thuyết minh mục V.19)

- Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Hiện tại, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện thực hiện. Vì vậy, Công ty tạm lấy theo giá trị sổ sách.

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Là chi phí dự án Khu tái định cư Phú Tân. Công ty đã trình Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre số 102/TTr-VLXD ngày 14 tháng 09 năm 2015 về việc xem xét phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu tái định cư Phú Tân, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre.

Toàn bộ dự án này đã được thế chấp làm tài sản đảm bảo vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Bến Tre (xem Thuyết minh V.19)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	358.955.000	8.680.000	(8.680.000)	358.955.000
Xây dựng cơ bản dở dang	322.675.318	1.067.831.101	-	1.390.506.419
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	231.094.979	(202.142.341)	28.952.638
Cộng	681.630.318	1.307.606.080	(210.822.341)	1.778.414.057

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	15.219.846.448	18.264.210.534
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	3.000.807.625	1.221.426.875
Công ty TNHH MTV XDCT Tuyệt Ngân	3.673.502.845	2.268.658.025
Công ty TNHH XDTM Trương Hoàng Phúc	1.667.847.417	-
Công ty TNHH Hiệp Hòa Lợi	1.031.345.000	1.028.825.000
Các nhà cung cấp khác	5.846.343.561	13.745.300.634
Cộng	15.219.846.448	18.264.210.534

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	24.463.788.613	16.948.752.454
Ban QLDA ĐTXD các CT DD & CN tỉnh BT	9.308.097.810	6.916.316.000
Ban QLDA Mô Cây Nam	9.605.249.000	3.903.346.000
Ban QLDA ĐTXD huyện Ba Tri	4.960.658.100	1.465.965.200
Các khách hàng khác	589.783.703	4.663.125.254
Cộng	24.463.788.613	16.948.752.454

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
 Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc: ngày 30 tháng 06 năm 2017

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số thực nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	2.534.689.210	1.519.648.032	(3.839.623.210)	-	214.714.032
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	362.370.474	179.876.051	(497.700.791)	-	44.545.734
Thuế thu nhập cá nhân	-	5.418.550	147.398.101	(22.040.376)	-	130.776.275
Thuế tài nguyên	-	75.000.000	994.614.617	(868.332.502)	-	201.282.115
Tiền thuế đất	-	-	304.841.000	(304.841.000)	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	100.000.000	2.290.850.000	(1.870.310.000)	-	520.540.000
Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-
	-	3.077.478.234	5.016.687.801	(7.823.387.879)	-	1.111.858.156

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình với mức thuế suất 15%.

Thuế nhà đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp thuế bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác cát với mức phí phải nộp là 4.000 đồng/m³

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

16. Phải trả người lao động

Quỹ lương của Công ty được thực hiện tạm trích theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 01/2015/QĐ-HĐQT ngày 03 tháng 04 năm 2015. Cụ thể, Công ty đã tạm trích chi phí lương trong kỳ theo đơn giá tiền lương 394 đồng/1000 lợi nhuận trước thuế.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản trích trước chi phí xây dựng nhà máy nước thải thuộc dự án Khu dân cư Mỹ Thạnh An.

18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	1.027.146.119	8.190.981.945
Phạm Hoàng Nhân – Đội xây dựng số 7	959.501.080	1.164.646.361
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	67.645.039	7.026.335.584
Cộng	1.027.146.119	8.190.981.945

19. Vay và nợ thuê tài chính**19a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	78.200.416.944	78.200.416.944	73.619.458.599	73.619.458.599
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre ⁽ⁱ⁾	76.371.854.402	76.371.854.402	73.619.458.599	73.619.458.599
Vay Ngân hàng TMCP Đông Á – CN Bến Tre ⁽ⁱⁱ⁾	1.828.562.542	1.828.562.542	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	356.300.000	356.300.000	712.600.000	712.600.000
Cộng	78.556.716.944	78.556.716.944	74.332.058.599	74.332.058.599

⁽ⁱ⁾ Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre theo hợp đồng hạn mức số 01/2017/670816/HĐTĐ ngày 10 tháng 05 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 158 tỷ đồng, trong đó hạn mức vay ngắn hạn là 88 tỷ đồng, để bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp, cầm cố tài sản, không bảo đảm một phần. Theo giá trị định giá của Ngân hàng như sau:

+ Tài sản cố định: 9.753.000.000 đồng.

+ Vật tư tồn kho bình quân: 36.000.000.000 đồng.

+ Giá trị quyền sử dụng đất tại Phú Nhuận theo định giá của Ngân hàng: 8.145.000.000 đồng. (xem thuyết minh số V.8 và thuyết minh V.10).

⁽ⁱⁱ⁾ Vay Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Bến Tre theo hợp đồng tín dụng số H0003/HM/17 ngày 12 tháng 05 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 7,5 tỷ đồng, với thời hạn 12 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ, mục đích bổ sung vốn lưu động, tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BH943108 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 16/04/2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Số đầu năm	74.332.058.599	73.662.864.529
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	66.405.180.182	57.329.396.315
Kết chuyển từ vay dài hạn	-	412.300.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(62.180.521.837)	(56.099.052.686)
Số cuối kỳ	78.556.716.944	75.305.508.158

19b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng				
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre	3.897.800.000	3.897.800.000	2.193.800.000	2.193.800.000
Hợp đồng 01/2015/670816 – 26/10/2015	1.465.800.000	1.465.800.000	1.465.800.000	1.465.800.000
Hợp đồng 01/2016/670816 – 25/01/2016	728.000.000	728.000.000	728.000.000	728.000.000
Hợp đồng 01/2017/670816 – 03/04/2017	455.000.000	455.000.000	-	-
Hợp đồng 02/2017/670816 – 03/04/2017	1.249.000.000	1.249.000.000	-	-
Cộng	3.897.800.000	3.897.800.000	2.193.800.000	2.193.800.000

Là các khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre với thời gian 60 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất theo thông báo của BIDV tại từng thời điểm điều chỉnh, tài sản thế chấp là tài sản hình thành trong tương lai, được đầu tư bằng chính khoản nợ vay. Cụ thể như sau:

- Hợp đồng 01/2015/670816 – 26/10/2015 : vay để đầu tư 3 xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu HINO;
- Hợp đồng 01/2016/670816 – 25/01/2016 : vay để đầu tư phương tiện xe máy chuyên dùng Cần trục bánh xích nhãn hiệu W1001;
- Hợp đồng 01/2017/670816 – 03/04/2017 : vay để đầu tư xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu HINO;
- Hợp đồng 02/2017/670816 – 03/04/2017 : vay để đầu tư phương tiện xe máy chuyên dùng Cần trục bánh xích nhãn hiệu W1001;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Chi tiết phát sinh các khoản vay dài hạn như sau:

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Số đầu năm	2.193.800.000	1.954.400.000
Số tiền vay phát sinh	1.704.000.000	1.120.000.000
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	-	(224.000.000)
Số tiền vay đã trả	-	-
Số cuối năm	3.897.800.000	2.850.400.000

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Trích từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	-	135.000.000	-	(135.000.000)	-
Quỹ phúc lợi	59.518.080	965.000.000	970.000	(1.024.774.818)	713.262
	59.518.080	1.100.000.000	970.000	(1.159.774.818)	713.262

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	40.490.060.000	4.067.762.000	14.152.369.189	6.004.365.645	64.714.556.834
-Tăng từ lãi năm trước	-	-	-	6.296.216.969	6.296.216.969
-Giảm do phân phối lợi nhuận	-	-	-	(6.119.978.559)	(6.119.978.559)
Số dư cuối năm trước	40.490.060.000	4.067.762.000	14.152.369.189	6.180.604.055	64.890.795.244
Số dư đầu năm nay	40.490.060.000	4.067.762.000	14.152.369.189	6.180.604.055	64.890.795.244
-Tăng từ lãi trong năm	-	-	-	714.203.224	714.203.224
-Giảm do phân phối lợi nhuận	-	-	-	(6.161.257.500)	(6.161.257.500)
Số dư cuối năm	40.490.060.000	4.067.762.000	14.152.369.189	733.549.779	59.443.740.968

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Cổ đông nhà nước	20.146.260.000	49,76	20.146.260.000	-
Cổ đông khác	20.343.800.000	50,24	20.343.800.000	-
Cộng	40.490.060.000	100	40.490.060.000	-

Đại diện cho phần vốn cổ đông Nhà nước là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

21c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	40.490.060.000	40.490.060.000
+ Vốn góp đầu năm	-	-
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	40.490.060.000	40.490.060.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	(5.061.257.500)	(4.858.807.200)

21d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.049.006	4.049.006
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.049.006	4.049.006
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>4.049.006</i>	<i>4.049.006</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.049.006	4.049.006

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP.

21e. Mục đích trích lập các quỹ của doanh nghiệp

- *Quỹ đầu tư phát triển được dùng:*
- + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ khó đòi được xảy ra trong qua trình kinh doanh;
- + Bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu;
- + Bổ sung vốn điều lệ cho Công ty;
- + Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.
- *Quỹ khen thưởng được dùng để*
- + Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty;
- + Thưởng đột suất cho cá nhân, tập thể trong Công ty;
- + Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.
- *Quỹ phúc lợi được dùng để:*
- + Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty;
- + Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

- + Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
- + Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

21f. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2017 như sau:

Số dư đầu năm (1)	6.180.604.055
Tăng từ lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2017 (2)	714.203.224
Phân phối trong năm (3)	<i>(6.161.257.500)</i>
Chia cổ tức cho các cổ đông	<i>(5.061.257.500)</i>
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	<i>(1.100.000.000)</i>
Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-
Số dư cuối kỳ (4)=(1)+(2)-(3)	733.549.779

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán.**Nợ khó đòi đã xử lý**

Chi tiết gồm:	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Số đầu năm	115.373.600	115.373.600
Nợ khó đòi đã xử lý trong năm	-	-
Nợ khó đòi đã được thu hồi được	-	-
Số cuối năm	115.373.600	115.373.600
Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Y&D	45.400.000	45.400.000
Công ty TNHH Xây dựng Thành Thịnh	33.945.000	33.945.000
Trần Kiêm Khánh	14.220.300	14.220.300
Các khách hàng khác	21.808.300	21.808.300
Cộng	115.373.600	115.373.600

12
ÔN
NH
DÁI
J
TP

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT:VNĐ)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Doanh thu hàng hóa	32.598.607.765	33.232.248.716
Doanh thu thành phẩm	7.565.369.309	6.023.952.131
Doanh thu san lấp	1.818.181.818	-
Doanh thu vận tải	895.210.969	792.306.914
Doanh thu xây dựng các công trình	42.263.145.014	43.566.771.915
Doanh thu kinh doanh bất động sản	772.380.176	-
Doanh thu khác	117.104.542	-
Cộng	86.029.999.593	83.615.279.676

2. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Giá vốn của hàng hóa đã bán	30.155.590.842	30.317.071.236
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.793.568.128	5.011.437.541
Giá vốn san lấp	1.654.545.454	(78.370.457)
Giá vốn vận tải	1.415.940.217	760.184.421
Giá vốn xây dựng các công trình	38.364.700.009	39.306.278.646
Giá vốn kinh doanh bất động sản	725.757.161	-
Giá vốn khác	92.246.517	-
Cộng	77.202.348.328	75.316.601.387

3. Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chi phí nhân viên bán hàng	820.596.839	752.165.187
Chi phí vận chuyển	454.923.775	322.610.007
Chi phí bốc xếp	365.765.373	259.994.599
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.054.100	11.690.750
Chi phí bằng tiền khác	291.740.275	127.622.507
Cộng	1.956.080.362	1.474.083.050

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chi phí nhân viên quản lý	1.913.285.094	1.634.379.725
Chi phí nguyên vật liệu	59.058.037	148.540.545
Khấu hao tài sản cố định	260.197.814	229.946.923
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	6.000.000
Hoàn nhập dự phòng	-	(100.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	993.495.563	440.008.439
Chi phí bằng tiền khác	613.853.909	956.952.685
Cộng	3.845.890.417	3.315.828.317

5. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Thu nhập từ thường doanh số	815.725.681	770.947.846
Thu từ thanh lý TSCĐ	81.554.432	198.603.520
Chiết khấu mua hàng	196.615.000	148.711.543
Thuê kho	72.000.000	122.000.000
Khác	23.899.684	22.400.954
Cộng	1.189.794.797	1.262.663.863

6. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	894.079.275	1.848.105.357
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>5.300.981</i>	<i>15.923.169</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế	899.380.256	1.864.028.526
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	179.876.051	372.805.705

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

7. Lãi trên cổ phiếu**7a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	714.203.224	1.475.299.652
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)</i>	<i>(142.840.645)</i>	<i>(295.059.930)</i>
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	571.362.579	1.180.239.722
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	4.049.006	4.049.006
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	141	291

(*) Công ty căn cứ vào Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2017 để thực hiện tạm tính số Quỹ khen thưởng phúc lợi cần trích từ lợi nhuận sau thuế của 6 tháng đầu năm 2017.

7b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	571.362.579	1.180.239.722
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
<i>Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	571.362.579	1.180.239.722
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.049.006	4.049.006
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	141	291

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	46.371.275.247	43.470.696.150
Chi phí nhân công	18.031.334.253	18.366.330.527
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.229.704.342	1.269.059.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.185.092.066	2.828.333.254
Chi phí khác	5.746.978.819	5.007.731.597
Cộng	74.564.384.727	70.942.150.933

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VNĐ)

1. Các giao dịch không bằng tiền

Không phát sinh

2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Không phát sinh

3. Tiền thu từ đi vay

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	55.082.015.570	58.449.396.315
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	-	-
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	55.082.015.570	58.449.396.315

4. Tiền trả nợ gốc vay

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(62.180.521.837)	(55.910.752.686)
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	-	-
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	(62.180.521.837)	(55.910.752.686)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (ĐVT:VNĐ)

1. Tài sản tiềm tàng

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

2. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Tiền lương	396.673.200	364.656.600
Tiền thù lao	-	-
Cổ tức	423.976.686	407.017.620
Cộng	820.649.886	771.674.220

4. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

6 tháng đầu năm 2017				
Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh hàng hóa và thành phẩm	Hoạt động xây dựng và kinh doanh Bất động sản	Hoạt động khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.163.977.074	44.853.707.008	1.012.315.511	86.029.999.593
Giá vốn hàng bán	34.949.158.970	40.745.002.624	1.508.186.734	77.202.348.328
Lãi gộp	5.214.818.104	4.108.704.384	(495.871.223)	8.827.651.265
6 tháng đầu năm 2016				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	39.256.200.847	43.566.771.915	792.306.914	83.615.279.676
Giá vốn hàng bán	35.247.264.025	39.309.152.941	760.184.421	75.316.601.387
Lãi gộp	4.008.936.822	4.257.618.974	32.122.493	8.298.678.289

Năm trước

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp các tài sản để đảm bảo cho các khoản vay gồm: Giá trị tài sản cố định, vật tư tồn kho bình quân và giá trị Quyền sử dụng đất tại Phú Nhuận để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre và thế chấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BH943108 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 16/04/2013 để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Bến Tre. (xem thuyết minh số V.19).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

7. Khả năng hoạt động liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty.

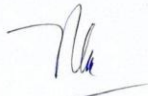
Bến Tre, ngày 10 tháng 08 năm 2017.

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ KIM THI

Kế toán trưởng



PHAN TÂN MỸ



PHAN QUỐC THÔNG

